

Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Chương: 013

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-CTK ngày 08/01/2024 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Chi cục Thống kê Vĩnh Yên	Chi cục Thống kê Phúc Yên	Chi cục Thống kê Lập Thạch	Chi cục Thống kê Tam Dương	Chi cục Thống kê Tam Đảo	Chi cục Thống kê Bình Xuyên	Chi cục Thống kê Yên Lạc	Chi cục Thống kê Vĩnh Tường	Chi cục Thống kê Sông Lô
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí												
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.229.000.000	21.229.000.000	12.057.000.000	1.261.000.000	1.111.000.000	1.069.000.000	968.000.000	840.000.000	904.000.000	1.145.000.000	1.122.000.000	752.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.229.000.000	21.229.000.000	12.057.000.000	1.261.000.000	1.111.000.000	1.069.000.000	968.000.000	840.000.000	904.000.000	1.145.000.000	1.122.000.000	752.000.000
1	Chi quản lý hành chính	21.229.000.000	21.229.000.000	12.057.000.000	1.261.000.000	1.111.000.000	1.069.000.000	968.000.000	840.000.000	904.000.000	1.145.000.000	1.122.000.000	752.000.000
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.462.000.000	12.462.000.000	7.542.000.000	692.000.000	597.000.000	533.000.000	507.000.000	549.000.000	486.000.000	653.000.000	517.000.000	386.000.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.767.000.000	8.767.000.000	4.515.000.000	569.000.000	514.000.000	536.000.000	461.000.000	291.000.000	418.000.000	492.000.000	605.000.000	366.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ												
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ												
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-									
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-										
4	Chi hoạt động kinh tế												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
5	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
II	Nguồn vốn viện trợ												